

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Trương Thị Yến

**HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI CAO TUỔI
TẠI CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VẠN ĐÒ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 9760101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại : Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học :

Hướng dẫn 1 : PGS.TS. Trịnh Văn Tùng

Hướng dẫn 2 : TS. Huỳnh Thị Ánh Phương

Phản biện : PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phản biện : PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện : TS. Nguyễn Trung Hải

Trường Đại học Lao động Xã hội

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại Phòng 302, nhà E Trường Đại học Khoa
học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
vào hồi 14 giờ 00 ngày 15 tháng 03 năm 2024.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Biến đổi nhân khẩu học theo xu hướng già hóa được coi là đặc trưng của thế kỷ 21. Theo dự báo của Liên hiệp quốc, từ nay đến năm 2050, tất cả các khu vực trên toàn cầu sẽ chứng kiến sự gia tăng quy mô dân số già, dự kiến từ 9,3% năm 2020 lên khoảng 16,0%, tương ứng với hơn 1,5 tỷ người trên 65 tuổi trong tổng dân số thế giới vào năm 2050 [187]. Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của xu hướng này khi là một trong mười nước có tốc độ già hóa dân số cao nhất thế giới [206]. Báo cáo từ Tổng cục Thống kê Việt Nam ước tính đến năm 2038 nhóm dân số từ 60 tuổi ở nước ta sẽ chiếm khoảng 20% dân số, trong khi đó dân số ở độ tuổi lao động sẽ giảm xuống đáng kể [77]. Sự biến đổi nhân khẩu này được cho rằng sẽ tác động bất lợi tới sự phát triển về con người và kinh tế xã hội nếu Việt Nam không có các hoạt động phù hợp để hỗ trợ người cao tuổi (NCT).

Trước tác động của tình trạng già hóa dân số, việc phát triển các hoạt động hỗ trợ NCT có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Những nghiên cứu liên quan cho thấy, các hoạt động hỗ trợ NCT như chăm sóc sức khỏe, trợ giúp tâm lý – xã hội, hỗ trợ kinh tế, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội thực sự tạo điều kiện cho NCT phát huy vai trò bản thân và tăng cường cơ hội hòa nhập xã hội, đặc biệt đối với những NCT có nguy cơ nằm ngoài lưới an sinh xã hội [48, 53, 74, 80, 96]. Các nghiên cứu cũng chỉ ra những đối tượng là NCT thuộc nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, nhóm di cư, tái định cư thường phải đối diện với những vấn đề khó khăn trong cuộc sống nhiều hơn so với các nhóm xã hội khác bởi những rào cản

về điều kiện kinh tế, trình độ, sức khỏe. NCT có vị trí kinh tế xã hội càng thấp thì nhu cầu hỗ trợ lại càng lớn. Đặc biệt, nếu không có sự hỗ trợ kịp thời, những NCT thuộc nhóm này dễ bị “lọt lưới” an sinh xã hội và rơi vào tình trạng bị “loại trừ xã hội” [34, 62, 93, 149, 192].

Tại Việt Nam, để thích ứng với quá trình già hóa dân số, chính phủ đã và đang nỗ lực phát triển và thực hiện nhiều chính sách và chương trình hỗ trợ NCT nhằm đảm bảo cuộc sống cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, một số nghiên cứu gần đây cho thấy một bộ phận lớn NCT Việt Nam vẫn đang nằm ngoài hệ thống an sinh xã hội và rất cần đến sự hỗ trợ [1, 41, 77, 91]. Mặc dù các nghiên cứu tuy đã có sự tập trung vào những giải pháp chính sách, xây dựng các mô hình và hoạt động hỗ trợ cho NCT nói chung, nhưng trong thực tế các giải pháp đặt ra vẫn chưa thể đáp ứng hết các nhu cầu cho nhóm đối tượng này. Bên cạnh đó, có rất ít các nghiên cứu bàn đến các giải pháp hỗ trợ xã hội cho nhóm NCT dễ bị tổn thương. Đây cũng chính là những khoảng trống nghiên cứu, luôn thôi thúc nghiên cứu sinh suy nghĩ và tìm hiểu nhằm tìm ra những giải pháp hỗ trợ phù hợp cho những đối tượng là NCT dễ bị tổn thương trong bối cảnh hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam hiện nay chưa thể bao phủ hết toàn bộ dân cư. Mặt khác, từ bao đời nay, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là kính già nhường trẻ. Việc tổ chức hỗ trợ NCT được tốt sẽ là tấm gương cho các thế hệ trẻ mai sau có những quy chiếu, chuẩn mực và hành động hỗ trợ NCT.

Tại tỉnh Thừa Thiên Huế, chính sách tái định cư cư dân vùng sông Hương đã được thực hiện trong nhiều năm, nhưng phải đến năm 2010, mới tạo nên cuộc “di dân lịch sử” từ nổi lên bờ của hàng ngàn

hộ dân đã sống hàng trăm năm trên mặt nước sông Hương. Chính sách này đã mang lại nhiều thành tựu đáng kể như ổn định cuộc sống của người dân vạn đò, chấm dứt tình trạng sống “lênh đênh theo con nước” mà thay thế bằng chỗ ở cố định, an toàn trên mặt đất. Tuy nhiên, chính trong bối cảnh này, thế hệ lớn tuổi của cư dân vạn đò – những con người đã dành gần hết cả cuộc đời của mình gắn bó với môi trường sông nước lại gặp những khó khăn nhất định trong quá trình thích nghi với môi trường sống mới trên đất liền. Ở tuổi già, họ không còn nhiều cơ hội để hòa nhập vào cuộc sống mới như những thế hệ trẻ. Sự thay đổi đột ngột về môi trường sống đã ảnh hưởng không nhỏ tới NCT - vốn dĩ đã là đối tượng yếu thế, nay lại càng dễ bị tổn thương hơn trong quá trình hòa nhập xã hội tại nơi ở mới. Trước thực trạng này, chính quyền địa phương cùng các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức phi chính phủ đã hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương tái định cư thích nghi với cuộc sống mới. Vậy, thực trạng các hoạt động hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương đã diễn ra như thế nào? Các hoạt động hỗ trợ đã đáp ứng nhu cầu của NCT vạn đò sông Hương ở mức nào? Từ góc độ thực hành công tác xã hội, làm thế nào để hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương tái định cư hòa nhập xã hội tốt hơn? Và gợi ý những giải pháp công tác xã hội nào cho quá trình hỗ trợ?

Trên tinh thần trả lời cho các câu hỏi cốt yếu này, tôi đã quyết định lựa chọn đề tài: ***“Hoạt động hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư của tỉnh Thừa Thiên Huế”*** làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Công tác xã hội. Một mặt, ý tưởng

nghiên cứu này được kế thừa từ kết quả của nhiều nghiên cứu và mô hình hỗ trợ xã hội đối với NCT nói chung đã được thực hiện có hiệu quả ở Việt Nam và trên thế giới. Mặt khác, tính mới và tính độc đáo của ý tưởng thể hiện ở chính việc nghiên cứu hỗ trợ NCT thuộc cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương tái định cư trên đất liền ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Thực tế vấn đề hỗ trợ NCT ở Việt Nam đã có khá nhiều công trình bàn đến nhưng chưa hề có nghiên cứu nào liên quan đến hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương tái định cư, đặc biệt tái định cư gắn với hòa nhập xã hội thì càng có nhiều khoảng trống hơn và cần nhiều nghiên cứu hơn nữa để làm rõ vấn đề này. Với những khoảng trống nghiên cứu đã phân tích ở trên và từ mong muốn của bản thân có thể giúp các nhà xây dựng chính sách và những người đang làm công tác xã hội tại địa phương thực hiện các hỗ trợ xã hội phù hợp với nhu cầu thực tế của những nhóm NCT đặc thù, đề tài này hướng đến làm rõ tính dễ tổn thương của NCT vạn đò sông Hương khi phải đối diện với sự thay đổi về môi trường sống (cụ thể là việc di cư cuộc sống từ mặt nước lên mặt đất), phân tích nhu cầu hỗ trợ và mô tả các hoạt động hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương tái định cư tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh đề xuất mô hình hỗ trợ NCT phù hợp trong bối cảnh hệ thống an sinh xã hội chưa thể bao phủ và đáp ứng đủ nhu cầu của nhóm đối tượng này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm mục đích phân tích các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên

cơ sở này, đề tài hướng đến việc làm rõ những khoảng trống giữa thực tế hỗ trợ và nhu cầu hỗ trợ của NCT. Từ đó, luận án đề xuất các giải pháp mang tính chuyên nghiệp từ góc độ thực hành công tác xã hội để tăng hiệu quả các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các nghiên cứu đã có về hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng và xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề tài bằng cách thao tác hóa các khái niệm công cụ chính. Đồng thời, nêu rõ định hướng vận dụng của ba lý thuyết sau: lý thuyết nhu cầu, lý thuyết hệ thống sinh thái và lý thuyết hoạt động của NCT trong luận án.

Đánh giá, phân tích nhu cầu hỗ trợ và mô tả thực trạng các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư. Trên cơ sở đó, xem xét tính chuyên nghiệp công tác xã hội của các hoạt động hỗ trợ này.

Thực nghiệm mô hình hỗ trợ NCT vạn đò sông Hương tái định cư để trên cơ sở đó, cũng như các kết quả nghiên cứu đề xuất mô hình hoạt động công tác xã hội hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của NCT vạn đò sông Hương tái định cư và vai trò của nhân viên công tác xã hội (NVCTXH) trong mô hình.

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là Hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư.

3.2. Khách thể nghiên cứu

NCT trên 60 tuổi đang sinh sống tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư; Gia đình/người chăm sóc NCT tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư

Cán bộ chính quyền địa phương, cán bộ Hội NCT, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh cấp phường Hương Sơ, phường Phú Hậu tại thành phố Huế; Nhân viên từ các tổ chức phi chính phủ/dân sự xã hội/từ thiện đang tham gia hỗ trợ NCT tại cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại 2 khu tái định cư của cư dân vạn đò sông Hương, bao gồm khu tái định cư phường Phú Hậu và phường Hương Sơ thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu được thực hiện trong khoảng thời gian 3 năm, từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 10 năm 2023. Quá trình thu thập số liệu được tiến hành trong nhiều giai đoạn và tập trung nhiều nhất trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023, do có một giai đoạn dài bị gián đoạn bởi đại dịch Covid-19.

Nghiên cứu thực hiện với nhóm khách thể NCT có thời gian chuyển lên định cư trên bờ từ năm 2009 - 2010.

Phạm vi nội dung: Nội hàm của hoạt động hỗ trợ NCT là khá rộng lớn nhưng trong luận án này, nghiên cứu sinh chỉ tập trung vào các hoạt động hỗ trợ tại cộng đồng dành cho NCT vạn đò sông Hương tái định cư tại Thừa Thiên Huế, bao gồm: Hoạt động trợ giúp y tế và chăm sóc sức khỏe; Hỗ trợ tham gia các hoạt động xã hội; Hỗ trợ việc làm và sinh kế; Trợ giúp pháp lý; Hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: NCT vạn dò sông Hương tái định cư tại tỉnh Thừa Thiên Huế có những đặc trưng nào? Họ có những nhu cầu hỗ trợ gì sau khi tái định cư?

Câu hỏi 2: Có những hoạt động hỗ trợ nào dành cho NCT vạn dò sông Hương tái định cư đang được thực hiện tại cộng đồng? Mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ này đối với NCT vạn dò sông Hương tái định cư như thế nào?

Câu hỏi 3: Giải pháp nào để tăng tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ NCT vạn dò sông Hương tái định cư ổn định và hòa nhập cuộc sống?

5. Giả thuyết nghiên cứu

- - NCT vạn dò sông Hương tại các khu tái định cư của tỉnh Thừa Thiên Huế là nhóm đối tượng có những đặc trưng riêng. Để ổn định cuộc sống sau tái định cư, NCT vạn dò sông Hương được mong muốn hỗ trợ về sinh kế, chăm sóc sức khỏe và hòa nhập xã hội.

- Các hoạt động hỗ trợ NCT vạn dò sông Hương tái định cư tại cộng đồng như hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tạo việc làm, hỗ trợ tham gia các hoạt động xã hội, tư vấn pháp luật, hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh chưa đa dạng và chưa đáp ứng được nhu cầu của nhóm xã hội đặc thù này.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp của các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng thông qua các mô hình thực hành công tác xã hội là giải pháp giúp ổn định và thúc đẩy hòa nhập xã hội cho NCT vạn dò sông Hương tái định cư.

6. Ý nghĩa và đóng góp mới của Luận án

6.1. Ý nghĩa của Luận án

6.1.1. Ý nghĩa khoa học

Thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng tại một địa bàn cụ thể, với một nhóm đối tượng đặc thù là NCT vạn dò sông Hương tái định cư, luận án sẽ thực hiện kiểm chứng một số lý thuyết, luận điểm xã hội học và công tác xã hội trong việc vận dụng và thực hiện hoạt động hỗ trợ các nhóm yếu thế.

6.1.2. Ý nghĩa thực tiễn

Những kết quả trình bày trong nghiên cứu cung cấp một bức tranh tổng thể để người đọc có thể đối chiếu thực tế hỗ trợ cho NCT thuộc nhóm dễ bị tổn thương trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu cũng tạo điều kiện cho chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế có những hoạch định chính sách hỗ trợ NCT trên địa bàn tỉnh, góp phần đảm bảo an sinh xã hội thích ứng với già hóa dân số.

Kết quả luận án đóng góp thêm vào kho tài liệu phục vụ đào tạo sinh viên, học viên chuyên ngành Công tác xã hội, cán bộ/nhân viên công tác xã hội đang hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp NCT.

Kết quả tổ chức thực nghiệm mô hình hỗ trợ NCT sử dụng phương pháp can thiệp công tác xã hội với nhóm, điều này cũng sẽ gợi mở cho việc đào tạo công tác xã hội chuyên sâu với những đối tượng đặc thù như NCT.

6.2. Đóng góp mới của Luận án

Luận án đã mô tả được một bức tranh về đời sống của NCT vạn dò sông Hương hậu định cư sau cuộc “di dời lịch sử” từ mặt nước lên sinh sống trên mặt đất. Giữa những khác biệt đáng kể của môi trường xã hội trên đất liền và môi trường xã hội trên sông nước, NCT vạn dò sông Hương mang theo mình những đặc điểm khác biệt về trình độ học vấn, văn hóa và quan hệ xã hội đã gặp không ít rào cản hòa nhập

xã hội trong môi trường sống mới. Thông qua phân tích dữ liệu định tính và định lượng, kết quả nghiên cứu đã cho thấy tính dễ tổn thương và nhu cầu hỗ trợ của nhóm xã hội đặc thù này.

Tính mới của luận án cũng thể hiện khi kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những khoảng trống giữa các hoạt động hỗ trợ và sự tiếp cận của NCT vạn dò sông Hương tái định cư. Để từ đó, phân tích và đề xuất những giải pháp hỗ trợ từ góc độ công tác xã hội mang tính chuyên nghiệp hơn cho NCT vạn dò sông Hương tái định cư nói riêng và các nhóm NCT dễ bị tổn thương nói chung. Trên thực tế, rất hiếm các công trình nghiên cứu về vấn đề hỗ trợ cho NCT di cư, tái định cư trong lĩnh vực công tác xã hội. Cũng có thể coi đây là một nghiên cứu đầu tiên về sự hỗ trợ cho nhóm xã hội này từ lĩnh vực công tác xã hội ở Việt Nam.

7. Bố cục Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Khuyến nghị, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung Luận án bao gồm năm chương, được trình bày như sau:

Chương 1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Chương 3. Đặc điểm khu tái định cư và đặc trưng của người cao tuổi vạn dò sông Hương tái định cư tại phường Hương Sơ và phường Phú Hậu, thành phố Huế

Chương 4. Thực trạng hoạt động hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng cư dân vạn dò sông Hương tái định cư ở phường Hương Sơ và phường Phú Hậu, thành phố Huế

Chương 5. Thực nghiệm mô hình hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng cư dân vạn dò tái định cư của tỉnh Thừa Thiên Huế.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trong chương này, luận án đã tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu theo sáu hướng nội dung. Nhìn chung, tổng quan tình hình nghiên cứu đã làm rõ các vấn đề sau:

Thứ nhất, hỗ trợ NCT được cho thấy là mối quan tâm rất lớn của các quốc gia trong bối cảnh già hóa dân số đang là xu hướng chung của toàn cầu. Không chỉ ở các quốc gia đang già hóa dân số mà kể cả những quốc gia chưa phải đối mặt với tình trạng này cũng dành nhiều chính sách và nguồn lực để thiết kế và thực hiện các chương trình hỗ trợ NCT.

Thứ hai, NCT được xem là đối tượng cần đến sự hỗ trợ xã hội, đặc biệt là nhóm NCT thuộc các cộng đồng yếu thế hơn. Già hóa dân số đòi hỏi xã hội phải điều chỉnh bằng cách đảm bảo các loại hình dịch vụ và trợ giúp bổ sung cho NCT. Do đó, hỗ trợ xã hội là xu hướng chính liên quan chặt chẽ đến việc cải thiện những yếu tố về sức khỏe thể chất và tinh thần của NCT. Hỗ trợ xã hội có thể được cung cấp bởi các dịch vụ có tổ chức và các nguồn hỗ trợ xã hội chính thức và không chính thức. Vì lý do này mà các quốc gia đã thiết kế nhiều hoạt động hỗ trợ xã hội khác nhau, bao gồm các mô hình, chương trình, giải pháp đa dạng để trợ giúp cho NCT và gia đình của họ.

Thứ ba, các kết quả nghiên cứu từ các công trình đã công bố cho thấy một bức tranh chung trong hoạt động hỗ trợ NCT: Các quốc gia đảm bảo an sinh xã hội cho NCT bằng cách tạo ra cơ chế chia sẻ trách nhiệm của các bên liên quan trong việc hỗ trợ NCT. Do đó, hợp tác công - tư và tích hợp các chương trình chăm sóc xã hội và chăm sóc y tế để hỗ trợ NCT là giải pháp đảm bảo an sinh xã hội được các

quốc gia đã và đang thực hiện mạnh mẽ. Bên cạnh các chính sách do Chính phủ ban hành và thực hiện, các giải pháp từ cộng đồng cũng được khuyến khích nhằm chăm sóc, hỗ trợ cho NCT. Đó là sự kết hợp giữa các đối tác nhà nước và xã hội như cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phi chính phủ thực hiện quan hệ đối tác công- tư để tạo ra các dịch vụ chăm sóc NCT tại nhà và tại cộng đồng. Đặc biệt, phát triển các chương trình, mô hình hỗ trợ NCT tại cộng đồng được coi là giải pháp hiệu quả từ khía cạnh công bằng và bền vững trong việc duy trì các hoạt động này.

Thứ tư, đối với những nhóm NCT sinh sống trong những cộng đồng yếu thế và dễ bị tổn thương, bao gồm cộng đồng di cư, nhập cư hay tái định cư như cộng đồng cư dân vịnh sông Hương tại thành phố Huế thì các nghiên cứu đưa ra cho thấy nhóm này gặp phải những rào cản lớn trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ và hoạt động hỗ trợ cho NCT tại cộng đồng. Những yếu tố có thể kể đến như điều kiện kinh tế nghèo nàn, nhận thức hạn chế, rào cản văn hóa và hòa nhập xã hội, tín ngưỡng - tâm linh đã hạn chế mức độ tiếp cận tới các hoạt động hỗ trợ xã hội. Những giải pháp được đưa ra nhằm hạn chế các yếu tố này bao gồm việc đánh giá đúng nhu cầu, mong muốn của NCT và khả năng đáp ứng của các nguồn lực hỗ trợ liên quan.

Thứ năm, từ góc độ công tác xã hội, các can thiệp hỗ trợ cho NCT tại gia đình và cộng đồng thông qua cách tiếp cận nhóm khá phổ biến. Nhiều nghiên cứu đã sử dụng thực hành công tác xã hội nhóm nhằm trợ giúp cho NCT với các mục tiêu khác nhau, tuy nhiên mục đích hướng đến cuối cùng vẫn là tạo ra một môi trường tương tác, chia sẻ tích cực để hỗ trợ cải thiện và nâng cao cuộc sống của NCT. Các hoạt động nhóm tỏ ra là công cụ hiệu quả được các

NVCTXH sử dụng trong quá trình trợ giúp cho NCT. Đồng thời, từ phía những người tham gia, các nghiên cứu đều cho thấy mức độ tương tác cao và mong muốn tiếp tục được tham gia vào các nhóm ngay cả khi tiến trình công tác xã hội đã kết thúc. Điều này cho thấy tính phù hợp và hiệu quả của cách tiếp cận nhóm khi trợ giúp cho NCT đang sống trong cộng đồng.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu rất đa dạng và phong phú trên nhiều lĩnh vực liên quan đến chăm sóc hỗ trợ cho NCT. Điều đó cho thấy nghiên cứu về hỗ trợ NCT không phải là một vấn đề mới mẻ của khoa học hiện nay, bao gồm cả lĩnh vực công tác xã hội. Điều này cũng khẳng định rằng hướng nghiên cứu về đề tài của tác giả hoàn toàn không phải là một phát kiến. Tuy nhiên, những nghiên cứu về hỗ trợ cho nhóm những NCT yếu thế hơn, điển hình như NCT thuộc cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư rất hiếm hoi, thậm chí chưa có nghiên cứu nào khai thác sâu sắc vấn đề này. Do đó, ý tưởng nghiên cứu này, một mặt, được kế thừa từ kết quả của nhiều nghiên cứu và mô hình hỗ trợ xã hội đối với NCT nói chung đã được thực hiện có hiệu quả ở Việt Nam và trên thế giới. Mặt khác, tính mới và tính độc đáo của ý tưởng thể hiện ở chính việc nghiên cứu hỗ trợ NCT thuộc cộng đồng cư dân vạn đò sông Hương tái định cư trên đất liền ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về người cao tuổi

2.1. Cơ sở lý luận về NCT

2.1.1. Khái niệm NCT và NCT vạn đô sông Hương tái định cư

2.1.2. Đặc điểm và nhu cầu trợ giúp của NCT

2.2. Cơ sở lý luận về hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng

2.2.1. Khái niệm hoạt động hỗ trợ

2.2.2. Khái niệm cộng đồng và cộng đồng tái định cư

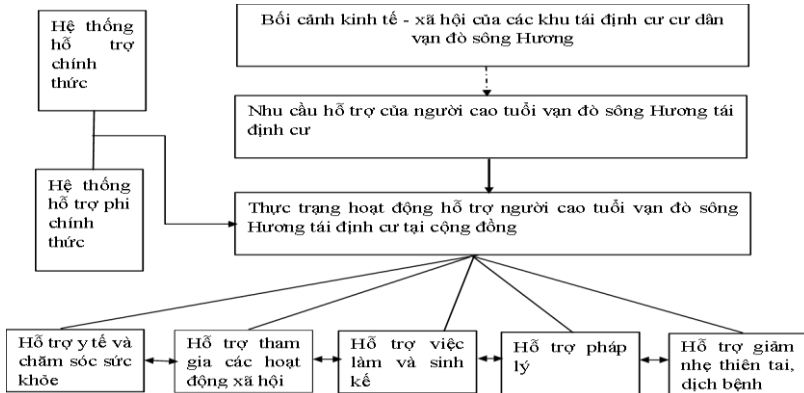
2.2.3. Khái niệm hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng

2.3. Một số lý thuyết vận dụng

Các lý thuyết được vận dụng bao gồm: *Lý thuyết nhu cầu*, *Lý thuyết hệ thống sinh thái* và *Lý thuyết hoạt động của người cao tuổi*.

2.4. Khung phân tích

Khung lý thuyết được minh họa cụ thể hơn thông qua Sơ đồ 2.2



Sơ đồ 2.2. Khung lý thuyết nghiên cứu

2.5. Các phương pháp nghiên cứu

2.5.1 Phương pháp phân tích tài liệu

Luận án đã phân tích các tài liệu tiếng Việt, tiếng Anh, tài liệu trên website. Tổng cộng có 214 tài liệu được trích dẫn và được thể hiện đầy đủ ở danh mục tài liệu tham khảo

2.5.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi cấu trúc

Điều tra bằng bảng hỏi cấu trúc được thực hiện đối với toàn bộ NCT tại hai khu tái định cư Hương Sơ và Phú Hậu. Số phiếu sau khi đã được làm sạch là 335 phiếu, được xử lý bởi phần mềm SPSS 25.0.

2.5.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Luận án thực hiện 23 phỏng vấn sâu với 3 nhóm khách thể: NCT cư dân vạn đò tái định cư, nhóm đối tượng là chủ thể trong hệ thống hỗ trợ chính thức và nhóm chủ thể trong hệ thống hỗ trợ phi chính thức.

2.5.4. Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia

Trung cầu ý kiến chuyên gia được thực hiện với 3 chuyên gia là các nhà nghiên cứu, giảng viên có chuyên môn về công tác xã hội, nhà hoạch định xây dựng chính sách về hỗ trợ NCT.

CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐIỂM KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI VẠN ĐÒ SÔNG HƯƠNG TÁI ĐỊNH CƯ TẠI PHƯỜNG HƯƠNG SƠ VÀ PHƯỜNG PHÚ HẬU, THÀNH PHỐ HUẾ

Những kết quả trình bày trong chương 3 cho thấy NCT vạn đò sông Hương tái định cư là một nhóm yếu thế và có những đặc trưng xã hội riêng. Những đặc trưng này thể hiện rõ ràng tính dễ tổn thương của NCT vạn đò sông Hương trên các khía cạnh như:

Dễ tổn thương về sinh kế: Việc từ bỏ nghề liên quan đến sông nước là một sự đảo lộn về sinh kế đối với thế hệ lớn tuổi – những

người đã có sự gắn bó lâu dài với ngành nghề truyền thống của cư dân vạn đò. Điều này dẫn đến việc hơn một nửa số NCT cố gắng tìm cách gia nhập vào thị trường lao động, nhưng tìm được kế sinh nhai phù hợp là điều không hề dễ dàng bởi những rào cản đặc biệt về trình độ học vấn, quan hệ xã hội của NCT vạn đò sông Hương.

Dễ tổn thương về kinh tế: Biến đổi sinh kế sau tái định cư ảnh hưởng mạnh mẽ đến nguồn thu nhập của NCT vạn đò sông Hương. Mặc dù một bộ phận lớn NCT tiếp tục nỗ lực mưu sinh nhưng công việc chân tay với thu nhập thấp và không ổn định, khiến họ dễ dàng rơi vào ngưỡng nghèo đói.

Dễ tổn thương về sức khỏe: Không lương hưu, thu nhập hạn chế và chủ yếu phụ thuộc vào người khác, khiến NCT vạn đò sông Hương không dám/không thể chi tiêu thoải mái cho những nhu cầu cơ bản của bản thân. Điều này gia tăng những bất lợi về sức khỏe mà họ phải đối mặt ở tuổi già.

Tính dễ tổn thương của NCT vạn đò sông Hương cũng là yếu tố khiến khoảng cách tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản ngày một xa hơn. Mặc dù chính sách an sinh xã hội của Nhà nước đã cố gắng cung cấp các dịch vụ cơ bản nhằm đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho cư dân vạn đò sau tái định cư nhưng vẫn tồn tại những khoảng trống nhất định trong việc tiếp cận và sử dụng của NCT vạn đò sông Hương.

Tình trạng của NCT vạn đò sông Hương tái định cư đã khắc họa nét đặc trưng riêng biệt của nhóm xã hội này: những con người gần hết cả cuộc đời chìm đắm trong lối sống và văn hóa vạn đò, giờ đây đối mặt với một xã hội rộng mở trên bờ khiến họ không dễ dàng hòa nhập bởi sự yếu thế của bản thân, cũng như rất khó thể hiện được vai trò, tiếng nói và sự ảnh hưởng của mình đối với người khác. Nguy cơ

NCT vạn đồ sông Hương tái định cư bị tách khỏi cộng đồng, bị coi thường và thậm chí bị phân biệt đối xử sẽ dễ dàng xảy ra nếu như không có những hỗ trợ phù hợp để thúc đẩy hòa nhập xã hội cho nhóm này.

Tình trạng tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản của NCT vạn đồ sông Hương tại các khu tái định cư cho thấy môi trường sống của NCT đã tốt hơn so với môi trường sống trên sông nước trước đây, nhưng vẫn tồn tại những khoảng cách nhất định trong việc sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản. Rào cản chủ yếu đến từ sự yếu thế của nhóm xã hội đặc thù này. Thúc đẩy hòa nhập xã hội của nhóm yếu thế cũng chính là khắc phục khả năng không tiếp cận được các phương tiện thiết yếu hoặc loại bỏ rào cản đối với khả năng tự đảm bảo đời sống của nhóm xã hội này.

CHƯƠNG 4. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI CAO TUỔI TẠI CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VẠN ĐỒ SÔNG HƯƠNG TÁI ĐỊNH CƯ Ở PHƯỜNG HƯƠNG SƠ VÀ PHƯỜNG PHÚ HẬU, THÀNH PHỐ HUẾ

Nội dung chương 4 mô tả, phân tích nhu cầu hỗ trợ các hoạt động hỗ trợ và hệ thống hỗ trợ NCT vạn đồ sông Hương tại hai khu tái định cư Hương Sơ và Phú Hậu thuộc. Đồng thời, đánh giá hiệu quả thực hiện và yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ NCT vạn đồ sông Hương tái định cư tại địa bàn nghiên cứu

Phân tích thực trạng các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng cư dân vạn đồ sông Hương tái định cư thấy được Nhà nước và chính quyền địa phương đã tạo nhiều cơ hội và hoạt động nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe và đời sống của NCT. Điều này cho thấy nỗ lực thực hiện các chính sách, chương trình của Nhà nước thông qua tổ chức Chính quyền và các Đoàn/Hội tại địa phương, cùng với các giải

pháp từ cộng đồng nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho đối tượng là NCT. Tuy nhiên, cũng có thể khẳng định những hoạt động hỗ trợ từ phía Nhà nước vẫn tập trung hướng đến toàn bộ NCT tại địa phương chứ chưa chú trọng đến những nhóm đặc thù như NCT vạn đồ sông Hương tái định cư. Chỉ một số hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức bên ngoài cộng đồng có sự ưu tiên đến nhóm này.

Mặc dù Nhà nước đã hướng đến phát triển các mô hình hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng nhưng mức độ tiếp cận của NCT vạn đồ sông Hương tái định cư khá thấp bởi những rào cản đặc biệt của bản thân họ như tình trạng mù chữ, kinh tế nghèo nàn, vốn xã hội ít ỏi. Họ là nhóm đối tượng yếu thế, rất dễ tổn thương bởi những đặc trưng xã hội khác biệt, đã trở thành yếu tố rào cản khiến NCT ít/không có cơ hội để tham gia vào các hoạt động hỗ trợ. Bên cạnh đó, những yếu tố khách quan khác như tính chưa chuyên nghiệp của hệ thống hỗ trợ, sự hạn chế trong triển khai các chính sách hỗ trợ NCT tại địa phương đã khiến các hoạt động hỗ trợ NCT chưa thể tổ chức sâu rộng và bao phủ toàn bộ NCT sống trong cộng đồng.

Thực tế triển khai các hoạt động hỗ trợ vẫn chưa thể đáp ứng nhu cầu của NCT tại địa bàn nghiên cứu. Điều này cho thấy giữa nhu cầu và thực tế đáp ứng nhu cầu qua các hoạt động hỗ trợ vẫn còn tồn tại một khoảng cách lớn. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến NCT vạn đồ sông Hương tái định cư gặp vô vàn khó khăn trong quá trình hòa nhập xã hội trên đất liền.

CHƯƠNG 5. THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI CAO TUỔI TẠI CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VẠN ĐỒ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nội dung của chương 5 mô tả quy trình thực nghiệm mô hình tâm lý xã hội sử dụng các hoạt động công tác xã hội nhóm với NCT.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu thực nghiệm mô hình sử dụng phương pháp công tác xã hội nhóm với NCT vạn dò sông Hương đã góp phần kiến tạo cơ hội cho NCT có thể tham gia vào các hoạt động xã hội. Quá trình tham gia vào nhóm giúp NCT có không gian để trò chuyện, nhận được sự chia sẻ hỗ trợ từ các thành viên nhóm, góp phần làm phong phú hơn đời sống tinh thần đang khá nghèo nàn của NCT tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả từ thực nghiệm đã phản ánh được những giá trị cần thiết của hoạt động công tác xã hội đối với việc trợ giúp cho NCT cư dân vạn dò tái định cư. Hoạt động thực nghiệm với các giai đoạn cụ thể cũng cho phép NVCTXH thực hiện các kiến thức và phát triển kỹ năng trong can thiệp trợ giúp cho NCT, đồng thời, những phát hiện trong quá trình thực hiện các hoạt động nhóm là cơ sở thực tế nhằm phát triển tính chuyên nghiệp trong thực hành nghề công tác xã hội ở Việt Nam ở lĩnh vực hỗ trợ NCT. Đây cũng là điểm khác biệt của nghiên cứu này so với các nghiên cứu đã có trong hoạt động công tác xã hội với NCT tại Việt Nam hiện nay.

Mặt hạn chế của quá trình tổ chức thực nghiệm là số lượng các cuộc sinh hoạt nhóm còn ít do sự giới hạn về thời gian và nguồn lực hỗ trợ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nghiên cứu này đã khắc họa thêm một bức tranh về đời sống của những nhóm đối tượng yếu thế và dễ bị tổn thương ở Việt Nam thông qua mô tả thực trạng cuộc sống của NCT vạn dò sông Hương tái định cư tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Những kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án đã khẳng định đây là nhóm xã hội rất đặc thù bởi những đặc trưng khác biệt như ít/không có trình độ học vấn, kinh tế nghèo nàn, vốn xã hội ít ỏi. Trải qua hơn hai phần ba

cuộc đời gắn bó với cuộc sống “lên đênh trên bến dưới thuyền”, lối sống vạn dò khép kín đã ăn sâu vào máu thịt, họ không dễ dàng gì để có thể hòa nhập tốt với một xã hội rộng mở trên đất liền sau khi buộc phải định cư.

Kết quả phân tích thực trạng về đời sống NCT vạn dò sông Hương tại hai khu tái định cư Hương Sơ và Phú Hậu đã cho thấy cuộc sống đầy khó khăn và bất ổn định của nhóm xã hội này trước những thách thức của cuộc sống mới. Đa số NCT vạn dò sông Hương tại địa bàn nghiên cứu mù chữ, không biết đọc biết viết, không có lương hưu, phải sống phụ thuộc vào con cháu và đang vất vả mưu sinh hàng ngày với những công việc chân tay thu nhập thấp để có thêm nguồn thu nhập. Họ sống thu mình và co cụm quan hệ xã hội trong gia đình và cộng đồng của mình. Chính những đặc trưng này đã trở thành yếu tố rào cản khiến NCT vạn dò sông Hương tái định cư ít/không có cơ hội để tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, dẫn đến chất lượng cuộc sống rất thấp.

NCT vạn dò sông Hương vốn dĩ đã là đối tượng yếu thế, nay lại phải đối mặt với sự thay đổi môi trường sống từ nổi lên bờ, khiến họ nhanh chóng trở thành đối tượng rất dễ bị tổn thương và càng cần hơn nữa các hoạt động hỗ trợ để đảm bảo đời sống trong môi trường mới. Thông qua việc đánh giá nhu cầu hỗ trợ, có thể thấy được nhu cầu nổi bật nhất của nhóm dân cư này đó là được hòa nhập xã hội, thể hiện qua những mong muốn cụ thể như muốn hỗ trợ y tế, hỗ trợ tạo việc làm và sinh kế, hỗ trợ kết nối xã hội, tư vấn chính sách, pháp luật. Điều này cũng cho thấy nỗ lực thích nghi của NCT vạn dò sông Hương trước môi trường sống mới, cũng như sự

cố gắng khẳng định vai trò, giá trị và tiếng nói của bản thân trong xã hội.

Kết quả khảo sát thực tế các hoạt động hỗ trợ NCT tại địa bàn nghiên cứu cho thấy sự đa dạng trong việc triển khai nhiều hình thức hỗ trợ NCT. Các hoạt động hỗ trợ đang được triển khai tại địa phương, bao gồm: Hoạt động hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe; Hoạt động hỗ trợ việc làm và sinh kế; Hỗ trợ NCT tham gia các hoạt động xã hội; Hoạt động trợ giúp pháp lý và Hoạt động hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai dịch bệnh. Các hoạt động này được thực hiện chung cho toàn bộ NCT đang sinh sống tại địa phương chứ không chỉ dành riêng cho đối tượng là NCT vạn đò sông Hương tái định cư. Sự “cào bằng” về đối tượng thụ hưởng mà không chú trọng đến các đặc trưng của NCT vạn đò sông Hương tái định cư, sự thiếu và yếu các nguồn lực hỗ trợ khiến cho các hoạt động này chưa thể triển khai sâu rộng và bao phủ toàn bộ NCT sống trong cộng đồng. Do đó, hoạt động hỗ trợ mặc dù phong phú nhưng đại bộ phận NCT vạn đò sông Hương tái định cư chưa thể tiếp cận được.

Các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng được cung cấp bởi hai hệ thống: hệ thống hỗ trợ chính thức, gồm Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội và hệ thống hỗ trợ phi chính thức như gia đình, bạn bè, hội/nhóm từ thiện, tổ đồng nghiệp. Hệ thống chính thức tham gia và đóng vai trò là chủ thể chính trong tất cả các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng. Tuy nhiên, chủ thể trong hệ thống này còn kiêm nhiệm nhiều công việc, cũng như đại đa số cán bộ chưa được đào tạo bài bản về công tác trợ giúp nhóm yếu thế. Hệ thống phi chính thức đặt vai trò hỗ trợ chính lên các thành viên

trong gia đình của NCT vạn đồ sông Hương tái định cư, cũng có thể coi đây là những chủ thể tạo được sự hỗ trợ kịp thời và trực tiếp nhất tới NCT. Tuy nhiên, cư dân vạn đồ sông Hương tái định cư cũng là một cộng đồng yếu thế, kinh tế hộ gia đình chưa cao, nếu không muốn nói là nghèo. Các lao động chính trong nhà hầu hết làm nghề tự do với thu nhập bấp bênh và không ổn định nên mặc dù là chủ thể hỗ trợ chính nhưng thực sự vẫn chưa đủ năng lực mang đến sự chăm sóc đầy đủ cho NCT. Mặc dù các hệ thống này cung cấp nhiều hình thức hỗ trợ NCT, tuy nhiên giữa thực tế nhu cầu hỗ trợ của NCT vạn đồ sông Hương tái định cư và hoạt động hỗ trợ vẫn tồn tại khoảng cách nhất định: Hoạt động hỗ trợ đa dạng nhưng đa phần không đến được với NCT vạn đồ sông Hương tái định cư. Điều này cũng cho thấy những khoảng trống hỗ trợ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động trợ giúp cho nhóm yếu thế nói chung và NCT vạn đồ sông Hương tái định cư nói riêng. Sự thiếu hụt những hoạt động trợ giúp mang tính chuyên nghiệp đối với nhóm xã hội đặc thù này là một trong những nguyên nhân gia tăng sự khó khăn hòa nhập xã hội của NCT vạn đồ sông Hương tái định cư.

Giải pháp góp phần lấp đầy những khoảng trống giữa nhu cầu hỗ trợ của NCT vạn đồ sông Hương tái định cư và thực tế triển khai các hoạt động hỗ trợ chính là tăng cường tính chuyên nghiệp của các hoạt động trợ giúp đối với nhóm xã hội đặc thù này. Việc tổ chức thực nghiệm “mô hình tâm lý xã hội sẻ chia” sử dụng phương pháp can thiệp công tác xã hội nhóm với NCT vạn đồ sông Hương tái định cư đã cho thấy hiệu quả hỗ trợ NCT khi áp dụng cách thức trợ giúp chuyên nghiệp từ góc độ của nghề công tác xã hội. Kết quả

thực nghiệm cho thấy nhóm NCT khi tham gia mô hình có nhiều trách nhiệm hơn trong việc tích cực chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, sự tương tác và giao tiếp giữa những NCT tham gia trong mô hình đã tạo nên cảm xúc tích cực cho NCT vạn đồ sông Hương tái định cư, góp phần giảm bớt cảm giác cô đơn, buồn chán của họ. Hiệu quả của mô hình cũng thể hiện ở mong muốn của NCT được tiếp tục tham gia các buổi sinh hoạt chung của nhóm ngay cả khi tiến trình thực nghiệm đã kết thúc, bởi điều này, theo như chia sẻ của các thành viên nhóm là đã góp phần “cải thiện đời sống tinh thần nghèo nàn của chúng tôi”. Mô hình hỗ trợ này cũng hoàn toàn phù hợp với xu hướng trợ giúp NCT hướng đến mục tiêu già hóa tích cực và già hóa tại chỗ mà WHO đã đặt ra hiện nay. Những kết quả của quá trình thực nghiệm mô hình hỗ trợ NCT vạn đồ sông Hương tái định cư trong luận án này góp phần tạo ra những hoạt động trợ giúp mang tính chuyên nghiệp hơn cho những nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương từ góc độ thực hành công tác xã hội.

Trong bối cảnh địa phương còn thiếu các hoạt động hỗ trợ chuyên nghiệp đối với nhóm xã hội đặc thù, việc thúc đẩy các hoạt động thực hành công tác xã hội có ý nghĩa quan trọng để tăng cường tính chuyên nghiệp trong trợ giúp NCT vạn đồ sông Hương tái định cư nói riêng và các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương nói chung. Các giải pháp bao gồm:

Thực thi đầy đủ các đề án, chương trình phát triển công tác xã hội hiện nay, nhất là Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021 – 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2021. Chú trọng phát

triển mạng lưới NVCTXH tại tuyến cơ sở, đặc biệt là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hoạt động công tác xã hội. Chính phủ cần xem xét bố trí vị trí việc làm cho NVCTXH tại cộng đồng, tăng cường hoạt động của các cộng tác viên công tác xã hội ở tuyến cơ sở. Đồng thời, có chế độ chi trả phụ cấp hợp lý cho đội ngũ này.

Các hoạt động hỗ trợ NCT hiện nay tại địa phương, thay vì “cào bằng” cho tất cả các nhóm, nên tập trung nhiều hơn cho các nhóm đặc thù như NCT vạn dò sông Hương tái định cư. Bên cạnh đó, các chính sách tái định cư cũng nên tập trung hỗ trợ cho các thành viên khác trong gia đình nhằm nâng cao năng lực trợ giúp NCT từ trong gia đình.

Tóm lại, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ NCT tại cộng đồng vừa là mục tiêu vừa là xu hướng của Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực đảm bảo an sinh xã hội cho NCT trong bối cảnh già hóa dân số đang tăng lên nhanh chóng ở nước ta và các quốc gia khác trên thế giới. Điều này nhằm tạo ra sự chăm sóc xã hội ngay tại cộng đồng và đáp ứng những nhu cầu khác nhau cho NCT trong không gian mà họ đang sinh sống.

2. Khuyến nghị

2.1. Khuyến nghị đối với người cao tuổi và gia đình

NCT cần tích cực, chủ động tham gia vào các hội/nhóm tại cộng đồng. Các thành viên trong gia đình cần quan tâm đến nhu cầu thực tế của NCT và nâng cao kiến thức về chăm sóc NCT tại nhà.

2.2. Khuyến nghị đối với chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và Hội người cao tuổi ở các cấp của tỉnh Thừa Thiên Huế

Đối với chính quyền địa phương: Điều chỉnh phương thức phổ biến và triển khai chính sách phù hợp với đặc điểm của đối tượng, cải

thiện cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ, cần triển khai nhiều biện pháp để huy động nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội địa phương trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho NCT

Hội NCT tại phường Hương Sơ và Phú Hậu cần tích cực vận động NCT vạn dò sông Hương tái định cư tham gia vào Hội để tăng thêm cơ hội tham gia các hoạt động xã hội cho họ, tạo điều kiện và nhân rộng các mô hình hỗ trợ NCT tại cộng đồng, cần cân nhắc triển khai “mô hình tâm lý – xã hội sẻ chia” sâu rộng trên địa bàn.

Đối với cấp thành phố Huế và cấp tỉnh Thừa Thiên Huế: tiếp tục quan tâm tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác chăm sóc NCT, thực hiện thêm các chính sách hỗ trợ hậu tái định cư cho cộng đồng cư dân vạn dò.

2.3. Khuyến nghị đối với hệ thống chính sách của Nhà nước

Thứ nhất, phát triển chính sách bảo hiểm y tế bao phủ toàn dân. Thứ hai, xây dựng và phát triển các mô hình hỗ trợ NCT dựa vào gia đình và cộng đồng. Thứ ba, khuyến khích, đẩy mạnh các hoạt động công tác xã hội với NCT, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho các NVCTXH và mở rộng mạng lưới NVCTXH đến tuyến cơ sở.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trương Thị Yên, Huỳnh Thị Anh Phương (2021), “Health Care for the Elderly: Policy of Japan and Recommendation for Vietnam”, *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies* Vol. 37 (4), pp. 37-46.
2. Trương Thị Yên, Đinh Thị Thiên Ai (2022), “Особенности ценностных ориентаций у пожилых во Вьетнаме”, *Санкт-Петербургский униве* № 6 (159), стр. 55-59.
3. Trương Thị Yên (2022), “Hỗ trợ người cao tuổi tại cộng đồng thông qua can thiệp công tác xã hội nhóm: Một nghiên cứu thực nghiệm với người cao tuổi cư dân vịnh đảo tái định cư ở thành phố Huế”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội* Tập 8 (2B), tr.263-278.
4. Trương Thị Yên (2022), “Community-based support and services for the elderly: Perspective of social protection for sustainable development”, *The International Conference Proceedings: The First International Conference on the issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam Nation University Press, Ha Noi, pp. 1136-1154.
5. Trương Thị Yên, Nguyễn Thị Nha Trang, Trương Thị Xuân Nhi (2022), “Mô hình cung cấp dịch vụ dựa vào cộng đồng cho người cao tuổi ở Trung Quốc và gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế* Tập 21 (3), tr.143 – 152.
6. Trương Thị Yên, Lê Thị Lam (2023), “Social inclusion of the elderly moving from afloat to ashore in Hue city: Issues for Social Work practice”, *International Conference Proceedings Make a difference social work without barriers: In response to sustainable development and public emergency*, Vietnam Nation University Press, Ha Noi, pp. 256-273.
7. YẾN Trương Thị, TÙNG Trịnh Văn, PHƯƠNG Huỳnh Thị Ánh (2023), “Le soutien aux personnes âgées expulsées de la Rivière des Parfums (Viêtnam). Entre réciprocité, contrainte et endettement sentimental”, *Réciprocité dans la coopération et créativité de l'économie sociale et solidaire*, Presses Universitaires de Rennes, France.